ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC BIẾN SỐ KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC ĐẾN LẠM PHÁT TẠI VIỆT NAM

Đặng Văn Dân*

Tóm tắt

Kiểm soát và duy trì lạm phát ở mức hợp lý luôn là mục tiêu kinh tế vĩ mô hàng đầu của Chính phủ cũng như của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN). Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, lạm phát ở nước ta luôn diễn biến phức tạp và khó lường. Vì vậy, việc nghiên cứu các biến số kinh tế trong nước và ngoài nước ảnh hưởng đến lạm phát có vai trò hết sức quan trọng, làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách kinh tế vĩ mô phù hợp tại Việt Nam trong thời gian tới. Bài viết này sẽ sử dụng phương pháp VAR (véc tơ cấu trúc tự hồi quy – Vector Auto Regression) để kiểm định các yếu tố kinh tế tác động đến lạm phát tại Việt Nam trong giai đoạn 2008-2015. Từ đó, tác giả trình bày kết quả nghiên cứu và đưa ra một số khuyến nghị giải pháp nhằm kiểm soát lạm phát ở mức hợp lý góp phần ổn định kinh tế vĩ mô tại Việt Nam.

Từ khóa: *kinh tế vĩ mô, lạm phát, tăng trưởng.*

Mã số: 219. Ngày nhận bài: 06/01/2016. Ngày hoàn thành biên tập: 18/03/2016. Ngày duyệt đăng: 18/03/2016.

Abstract

An inflation stabilization is always the macroeconomic objectives of the government as well as the State Bank of Viet Nam. However, under the deeper and wider international economic integration, the inflation of Vietnam is always in a complicated and an unpredictable process. Therefore, studying economic variables both in domestic and overseas which affects the inflation plays a very important role. Such studying is considered as a fundamental factor for determining many suitable macroeconomic policies to Vietnam in the coming time. This article analyzes the impact of economic factors on inflation in Viet Nam in the period from 2008 to 2015 by of VAR model. With that analysis, author presents the research results and offers many solutions to control inflation that contribute to stabilize the macroeconomic in Viet Nam.

Key words: *Macroeconomic, inflation, growth***.**

Paper No. 219. Date of receipt: 06/01/2016. Date of revision:18/03/2016. Date of approval:18/03/2016.

1. Giới thiệu

Nền kinh tế Việt Nam sau hội nhập WTO đã trải qua nhiều bước thăng trầm, nhất là sau ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tăng trưởng kinh tế chậm lại, tỷ lệ lạm phát biến động mạnh với biên độ lớn qua từng năm. Ở Việt Nam, trong giai đoạn gần đây có những năm xảy ra lạm phát cao, cụ thể như năm 2008 tỷ lệ lạm phát tăng cao ở mức 19,89% và năm 2011 tỷ lệ lạm phát cũng lên đến 18,13%. Hiện nay, tỷ lệ lạm phát đã được kiểm soát và giữ ổn định ở mức thấp. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng mạnh mẽ, với diễn biến kinh tế quốc tế phức tạp như hiện này thì quản lý kinh tế vĩ mô sẽ gặp nhiều khó khăn thử thách, đặc biệt là diễn biến lạm phát thay đổi rất nhanh chóng

* TS, Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh, email: dangdv1978@yahoo.com

và khó lường. Kiểm soát lạm phát ở mức hợp lý góp phần ổn định kinh tế vĩ mô là một trong những chủ đề thu hút được nhiều sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách kinh tế, nhà đầu tư và các học giả. Bài báo này nghiên cứu về các biến số kinh tế trong nước và ngoài nước ảnh hưởng đến lạm phát tại Việt Nam trong giai đoạn 2008-2015.Nghiên cứu này nhằm mục tiêu tìm hiểu về mức độ ảnh hưởng của một số biến số kinh tế đến lạm phát, từ đó đưa ra một số khuyến nghị cho chính sách kinh tế hiện tại của chính phủ.

2. Các biến số kinh tế ảnh hưởng đến lạm phát

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Tăng trưởng kinh tế

Có nhiều lý thuyết nghiên cứu về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát. Keynes đã đưa ra mô hình đường tổng cung và đường tổng cầu (AD-AS) để biểu thị mối quan hệ giữa tăng trưởng và lạm phát. Theo Keynes, trong ngắn hạn, tăng trưởng và lạm phát sẽ di chuyển cùng chiều, nghĩa là muốn có tỷ lệ tăng trưởng cao thì phải chấp nhận một tỷ lệ lạm phát nhất định. Tuy nhiên, sau giai đoạn này, nếu tiếp tục chấp nhận gia tăng lạm phát để thúc đẩy tăng trưởng thì GDP sẽ không tăng thêm mà có xu hướng giảm đi. Tobin (1965) cũng cho rằng lạm phát và tăng trưởng kinh tế có quan hệ cùng chiều. Mubarik (2005) cho rằng lạm phát được duy trì ở mức vừa phải sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Như vậy, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát không phải là mối quan hệ một chiều mà là sự tác động nhiều chiều dựa trên sự truyền dẫn chủ yếu qua kênh tiết kiệm và đầu tư.

2.1.2. Cung tiền

Những nhà kinh tế học cổ điển và tân cổ điển đã dùng Thuyết số lượng tiền của nhà kinh tế Mỹ Irving Fisher để giải thích nguyên nhân gây ra lạm phát từ cung tiền bởi công thức: MV=PT trong đó M: khối lượng cung tiền, V: vòng quay của tiền, P: mức giá chung trong nền kinh tế, T: khối lượng giao dịch thực và giả thuyết T bằng với sản lượng trong nền kinh tế. Các nhà kinh tế học cổ điển và tân cổ điển giả định rằng V là một hằng số không thay đổi trong ngắn hạn vì giá trị này phụ thuộc vào sự phát triển của một hệ thống tài chính mà điều này không thể thay đổi nhanh chóng. Với giả thuyết V không đổi thì bất cứ sự gia tăng nào trong cung tiền cũng làm tăng P và T. Với giả thuyết T bằng với sản lượng trong nền kinh tế nên cung tiền tăng làm tăng GDP danh nghĩa. Vì các nhân tố sản xuất và hàm sản xuất quyết định mức GDP thực tế và xem GDP thực tế không đổi nên mọi sự thay đổi GDP danh nghĩa phải thể hiện sự thay đổi mức giá. Theo N.Gregory Mankiw (2003) cho rằng: "Phần trăm tăng của giá, hay tỷ lệ lạm phát đúng bằng phần trăm tăng lên của cung tiền trong dài hạn".

2.1.3. Lãi suất

Theo lý thuyết hiệu ứng Fisher, lãi suất danh nghĩa và lạm phát có mối quan hệ cùng chiều với nhau. Khi lạm phát tăng thì lãi suất danh nghĩa tăng để đảm bảo mức lãi suất thực. Điều này sẽ ảnh hưởng đến lạm phát kỳ vọng cũng như hoạt động chi tiêu và đầu tư. Nếu người dân tin rằng lãi suất tiết kiệm sẽ không đổi hoặc tăng rất thấp, nghĩa là lãi suất thực sẽ âm thì họ sẽ rút tiền gửi tiết kiệm và đầu tư vào tài sản thực hay hàng hóa để bảo vệ sức mua. Khi đó, CPI sẽ có hướng gia tăng, vì thế lãi suất là một biến số quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định tiêu dùng, đầu tư của các chủ thể kinh tế, đồng thời cũng là biến số kinh tế tác động đến kỳ vọng lạm phát.

2.1.4 Tỷ giá hối đoái

Goldberg và Knetter (1997) đặt nền móng cho nghiên cứu về ảnh hưởng của tỷ giá đến

lạm phát, khi cho rằng có hai kênh truyền dẫn tỷ giá quan trọng đó là truyền dẫn tỷ giá trực tiếp và gián tiếp.

- Kênh truyền dẫn trực tiếp phụ thuộc vào yếu tố của thị trường nước xuất khẩu. Gọi *e* là tỷ giá của đồng tiền nội tệ trên một đơn vị đồng ngoại tệ và *p** là giá hàng hóa nhập khẩu từ thị trường nước ngoài theo ngoại tệ, thì khi đó *e.p** là giá hàng hóa nhập khẩu tính theo đồng nội tệ. Nếu tỷ giá *e* tăng nhưng giá *p** không thay đổi thì giá hàng hóa nhập khẩu theo nội tệ sẽ tăng tương ứng. Kết quả này gọi là truyền dẫn tỷ giá đến giá nhập khẩu. Sự tăng lên trong giá nhập khẩu sẽ truyền dẫn vào giá sản xuất, giá tiêu dùng nếu các doanh nghiệp nhập khẩu tăng giá bán đối với nhà sản xuất hàng hóa cuối cùng, và do đó sẽ làm gia tăng lạm phát.

- Kênh truyền dẫn gián tiếp đề cập đến tính cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường quốc tế. Một sự giảm sút trong tỷ giá làm cho sản phẩm nội địa rẻ hơn đối với người tiêu dùng nước ngoài và hệ quả là xuất khẩu và tổng cầu sẽ tăng dẫn đến sự tăng lên trong mức giá nội địa. Như vậy, sự giảm sút trong tỷ giá về lâu dài sẽ tác động đến lạm phát.

2.1.5. Giá dầu thô thế giới

Theo lý thuyết về các nguyên nhân gây ra lạm phát, trong đó có nguyên nhân từ phía cung hàng hóa.Khi chi phí sản xuất tăng, với cùng một khoản vốn đầu tư như nhau thì sản lượng hàng hóa sẽ giảm xuống, hàng hóa trở nên khan hiếm, cung không đủ cầu đẩy giá cả hàng hóa tăng lên và lạm phát tăng cao. Trong chi phí sản xuất thì xăng dầu là yếu tố quan trọng phản ánh chi phí đầu vào của rất nhiều sản phẩm, hàng hóa khác nhau. Do đó, biến động về giá xăng dầu sẽ tác động đến chi phí sản xuất từ đó ảnh hưởng đến lạm phát. Hiện nay, Việt Nam vẫn chủ yếu phải nhập khẩu xăng dầu từ nước ngoài, giá xăng dầu trong nước chịu ảnh hưởng mạnh và phụ thuộc vào giá nhập khẩu, vì vậy biến động giá dầu thô thế giới sẽ dẫn đến biến động giá xăng dầu trong nước gây ảnh hưởng đến lạm phát.

Ngoài 5 biến số kinh tế đã nêu trên ảnh hưởng mạnh nhất đến lạm phát, còn một số biến số kinh tế khác như: thâm hụt ngân sách nhà nước, chỉ số giá chứng khoán, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), giá vàng thế giới… ảnh hưởng không đáng kể đến lạm phát hoặc ảnh hưởng đến lạm phát thông qua các biến số kinh tế đã được đề cập trong bài nghiên cứu.

2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Tác giả kế thừa các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm, trong đó chịu ảnh hưởng chính bởi các nghiên cứu của: Den Haan và Wouter (2000) bằng cách sử dụng mô hình VAR, hai tác giả thực hiện nghiên cứu tại Mỹ và kết luận rằng trong dài hạn tồn tại mối tương quan âm giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát. Umaru và Zubairu (2012) sử dụng dữ liệu tỷ lệ lạm phát và tỷ lệ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 1970-2010 tại Nigeria, bằng cách kiểm định quan hệ nhân quả Granger đưa ra kết luận GDP gây ra lạm phát. Alessandro Cologni và Matteo Manera (2005) đã sử dụng mô hình VAR nghiên cứu đo lường tác động trực tiếp giá dầu đến các chỉ số kinh tế vĩ mô và kết quả cho thấy rằng đối với các nước thuộc nhóm G-7, một cú sốc giá dầu bất ngờ dẫn đến sự gia tăng tỷ lệ lạm phát và sự suy giảm tăng trưởng sản lượng. Maher Hasan và Hesham Alogeell (2008) cũng đã sử dụng mô hình VAR kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến lạm phát ở Saudi Arabia và Kuwait giai đoạn 1974-2007, kết luận rằng tỷ giá hối đoái, giá dầu và những cú sốc cầu tiền và cung tiền là các nhân tố chính ảnh hưởng đến lạm phát.

2.3. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu

Thông qua các nghiên cứu lý thuyết và thực

nghiệm trước đây và để phù hợp với dữ liệu tại Việt Nam, bài nghiên cứu này lựa chọn các biến số kinh tế trong và ngoài nước cho phù hợp như trong Bảng 1. Số liệu trong nghiên cứu được thu thập từ cơ sở dữ liệu của: Tổng cục Thống kê Việt Nam, ngân hàng Nhà nước Việt Nam và website tổ chức OPEC từ quý I/2008 đến quý III/2015 và số liệu được dùng là số liệu thời gian theo quý. Tác giả thiết lập các biến số cho mô hình nghiên cứu như sau:

Bảng 1: Các biến lựa chọn trong nghiên cứu

Biến nghiên cứu	Ký hiệu	Mô tả	Dấu dự kiến
Tỷ lệ lạm phát	CPI	Chỉ số giá tiêu dùng dưới dạng chỉ số	
Tổng sản phẩm trong nước	GDP	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	-/+
Cung tiền	M2	Tốc độ gia tăng cung tiền M2	+
Lãi suất tiền gửi	R	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng do NHNN quy định	+
Tỷ giá hối đoái	EX	Tỷ giá hối đoái giữa VND so với USD trên thị trường liên ngân hàng	+
Giá dầu thô thế giới	OIL	Giá dầu thô giao ngay trên thị trường thế giới	+

Để phân tích các yếu tố kinh tế tác động đến lạm phát tại Việt Nam, bài nghiên cứu sử dụng sử dụng mô hình VAR (véc tơ cấu trúc tự hồi quy - Vecto Auto Regression). Các biến trong bảng 1 được đưa vào mô hình nghiên cứu, mô hình VAR 6 biến có dạng như sau:

$$CPI = \alpha + \sum_1^p \beta_i GDP_{t-i} + \sum_1^p \gamma_i M2_{t-i} + \sum_1^p \partial_i R_{t-i} + \sum_1^p \varepsilon_i EX_{t-i} + \sum_1^p \theta_i OIL_{t-1} + U_{1t}$$

Trong đó:

CPI là chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index – CPI) được sử dụng để đánh giá tình hình lạm phát.

GDP: tốc độ tăng trưởng kinh tế.

M2: tốc độ gia tăng cung tiền theo phép đo M2.

R: lãi suất tiền gửi theo kỳ hạn 3 tháng.

EX: tỷ giá hối đoái giữa VND và USD.

OIL: giá dầu thô thế giới.

p: giá trị độ trễ

$\beta, \gamma, \partial, \varepsilon, \theta$: là các ma trận hệ số vuông

2.4. Kết quả nghiên cứu

2.4.1. Kiểm định tính dừng

Trong phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất thông thường (Ordinary least squares-OLS) cho các chuỗi dữ liệu thời gian là không dừng có thể dẫn đến hồi quy giả mạo (the spurious regression) và kết luận sai khi sử dụng các kiểm định thống kê, nên việc tìm ra các chuỗi dữ liệu có tính dừng hay không là một việc cần thiết và quan trọng. Tác giả thực hiện kiểm định tính dừng của chuỗi dữ liệu bằng phương pháp ADF test nhận thấy tất cả các biến đều không dừng nhưng khi lấy sai phân bậc nhất thì các biến đều dừng với mức ý nghĩa 1% vì kết quả cho thấy $|\tau| > |\tau_\alpha|$ với $\alpha = 1\%$.

Bảng 2: Kết quả kiểm định tính dừng của chuỗi dữ liệu

Biến / Sai phân	t-statistic (τ)	τ_α $(\alpha = 1\%)$	Giá trị Prob*
CPI	0.8523	-3.0486	0.9942
D(CPI)	-3.7044	-3.0486	0.0101
GDP	0.0015	-3.0486	0.9546
D(GDP)	-4.2121	-3.0486	0.0011
M2	0.6925	-3.0486	0.9910
D(M2)	-3.7657	-3.0486	0.0111
R	-1.8701	-3.0486	0.3450
D(R)	-4.2121	-3.0486	0.0011
EX	-2.8256	-3.0486	0.4425
D(EX)	-5.2316	-3.0486	0.0138
OIL	-2.9380	-3.0486	0.0448
D(OIL)	-3.7307	-3.0486	0.0113

Nguồn: tính toán bằng Eview

2.4.2. Xác định độ trễ tối ưu của mô hình

Việc xác định độ trễ cho các biến trong nghiên cứu này rất quan trọng, nó vừa là cơ sở để xác lập mô hình nhằm phân tích mối quan hệ giữa các biến số kinh tế và lạm phát, cũng vừa là yếu tố tham khảo để nhà nước điều hành và kiểm định tính hiệu quả của các chính sách kinh tế vĩ mô. Tác giả tiến hành hồi quy với mô hình VAR và sử dụng các tiêu chuẩn AIC (Akaikeinformationcriterion), SC (Schwarz information criterion), HQ (Hanna-Quinn information criterion) làm tiêu chuẩn chính. Kết quả cho thấy, theo tiêu chuẩn AIC, SC, HQ cho giá trị thấp nhất khi độ trễ bằng 2.

Bảng 3: Kết quả xác định độ trễ tối ưu

Lag	LogL	LR	FPE	AIC	SC	HQ
0	112.7218	NA	1.05e-12	-10.54621	-10.42466	-10.1989
1	175.8412	80.93012	8.32e-14	-13.81730	-11.72698	-12.8427
2	282.6193	62.65076*	1.06e-15*	-18.96546*	-14.29742*	-17.2217*

Nguồn: Tính toán bằng Eview

2.4.3. Hồi quy theo mô hình VAR

Tác giả thực hiện ước lượng mô hình VAR với độ trễ tối ưu là 2 để làm rõ ảnh hưởng của biến động các biến số kinh tế trong và ngoài nước đến lạm phát tại Việt Nam, kết quả thu được bảng 4.

Bảng 4: Kết quả mô hình

DLCPI	c	DLGDP	DLM2	DLR	DLEX	DLOIL
	-0.5019	9.2218	-0.2138	6.6002	0.4720	-0.6352
		(4.9015)	(0.2104)	(4.0003)	(0.5022)	(2.2652)
		[1.8230]	[-1.0552]	[0.3001]	[0.9392]	[-0.2845]

Chú thích: giá trị trong ( ) và [ ] thể hiện sai số chuẩn và thống kê t

Bảng 5: Kết quả kiểm định các hệ số hồi quy

Biến	Hệ số hồi quy	Std. Error	t-Statistic	Prob
DLGDP	9.2218	4.9015	1.8230	0.0012
DLM2	-0.2138	0.2104	-1.0552	0.0018
DLR	6.6002	4.0003	0.3001	0.0358
DLEX	0.4720	0.5022	0.9392	0.0088
DLOIL	-0.6352	2.2652	-0.2845	0.0356

Nguồn: Tính toán bằng Eview

Kết quả hồi quy cho thấy: mối quan hệ giữa các biến trong mô hình VAR có điểm phù hợp cũng như có điểm chưa phù hợp so với lý thuyết. Ta thấy, biến động của lạm phát chịu tác động cùng chiều GDP, EX, R, nhưng chịu tác động ngược chiều với M2, OIL. Trong đó sự biến động của biến GDP là nhân tố tác động mạnh đến lạm phát tại Việt Nam.

2.4.4. Kiểm định sự phù hợp của mô hình

Để xem xét các biến trong mô hình hồi quy có thật sự ảnh hưởng đến lạm phát tại Việt Nam hay không, tác giả tiến hành kiểm định giá trị P-value các hệ số hồi quy với giả thiết H_o: các biến không có tác động đến lạm phát khi P-value của các hệ số lớn hơn 0.05.

Kết quả kiểm định là các hệ số hồi quy của các biến GDP, M2, EX, R, OIL có giá trị P-value nhỏ hơn 0.05, tức các biến này thật sự có ảnh hưởng đến lạm phát tại Việt Nam. Tác giả thực hiện kiểm định nghiệm đơn vị (Unit Root Test) của Dickey và Fuller để kiểm tra tính dừng của các phần dư được kết quả cho thấy các giá trị P-value của các ước lượng đều nhỏ hơn 0.05, nên có thể kết luận phần dư của mô hình có tính dừng, như vậy mô hình hồi quy là phù hợp và kết quả hồi quy là không giả mạo.

2.4.5. Phân tích xung lực (Impulse Respones)

Trong mô hình VAR, một cú sốc đối với biến mang yếu tố ngẫu nhiên trong phương trình không chỉ ảnh hưởng đến chính biến đó mà còn lan truyền đến các biến nội sinh khác. Để đánh giá mối quan hệ giữa các biến với nhau, từ kết quả hồi quy của mô hình VAR, tác giả tiến hành phân tích xung lực (Impulse Respones) giúp mô tả ảnh hưởng từ một cú sốc của các biến số kinh tế đến lạm phát. Kết quả thu được từ phân tích xung lực như sau:

CPI chịu ảnh hưởng mạnh bởi sự biến động của biến GDP với biên độ rộng và kéo dài trong nhiều độ trễ. CPI tăng mạnh do cú sốc của GDP sau 3 quý, sau đó CPI sẽ giảm dần. Phân tích phản ứng xung về tác động của cú sốc cung tiền M2 lên CPI cho thấy tác động này diễn ra tức thì trong 2 quý đầu tiên, sau đó tác động này dường như không đáng kể. Một cú sốc tăng trong biến tỷ giá hối đoái (EX) sẽ làm CPI tăng trong ngắn hạn, tác động mạnh nhất vào quý 2 nhưng sau đó không có tác động đáng kể. Một cú sốc tăng giá dầu thế giới sẽ làm CPI giảm vào quý 2 nhưng sau đó mức giá CPI lại bắt đầu tăng và tăng mạnh trong quý 4. Một cú sốc tăng lãi suất sẽ làm CPI tăng lên mạnh nhất vào quý 2, nhưng sau đó mức giá CPI lại bắt đầu giảm và giảm mạnh nhất vào quý 5. Nhận định này phản ánh tính chất của các nền kinh tế đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng, cụ thể như vào đầu năm 2011 ở nước ta, các ngân hàng thương mại đua nhau tăng lãi suất huy động tiền gửi, khi lãi suất huy động tăng sẽ kéo theo lãi suất cho vay tăng, điều này đẩy chi phí vốn cũng như chi phí sản xuất tăng dẫn đến giá cả hàng hóa tăng gây ra lạm phát cao. Sau đó, bằng biện pháp hành chính, chính phủ quy định mức lãi suất huy động trần cho hệ thống ngân hàng thương mại. Kết quả là quý 1 năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát và lãi suất huy động giảm xuống.

2.4.6. Phân rã phương sai

Phân rã phương sai (Variance Decompositon) được sử dụng để phát hiện các mối quan hệ

Bảng 6: Kết quả phân rã phương sai của DLCPI

Period	S.E.	DLCPI	DLGDP	DLM2	DLR	DLEX	DLOIL
1	0.009222	100.0000	0.000000	0.000000	0.000000	0.000000	0.000000
2	0.023643	76.73210	12.25676	12.56241	0.223730	2.509195	1.279804
3	0.024009	69.36244	15.76862	11.32486	0.391120	2.518509	1.479229
4	0.025068	64.32375	19.19076	10.25862	0.291488	2.413921	1.629368
5	0.026005	63.68120	20.44977	10.54252	1.741126	2.224720	1.803051
6	0.026229	62.66476	20.60224	10.25442	1.751697	2.061763	1.744274
7	0.026560	63.98895	20.54482	10.26552	1.640378	2.106173	1.819672
8	0.027224	63.45364	19.78850	10.45212	1.772762	2.511854	1.770246
9	0.027713	62.78042	21.55082	9.852132	1.721090	2.786525	1.861345
10	0.028793	60.37290	22.48651	10.34887	1.623779	3.269016	1.840787

Nguồn: Tính toán bằng Eview

nhân quả giữa các biến. Nó giải thích mức độ mà tại đó lạm phát được giải thích bởi những cú sốc của các biến trong mô hình. Dựa vào kết quả phân rã phương sai cho ta nhận xét sau: tỷ lệ lạm phát tại Việt Nam không ổn định, phần lớn nguyên nhân gây ra chỉ số giá tiêu dùng tăng là do chịu ảnh hưởng lớn bởi lạm phát cao trong quá khứ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giải thích được khá cao ở mức 12%-22% sự biến động của lạm phát, trong khi đó biến cung tiền M2 cũng giải thích được tương đối cao ở mức 10%-12%. Ngoài ra, các biến còn lại là tỷ giá hối đoái, lãi suất tiền gửi và giá dầu thô thế giới có ảnh hưởng nhất định đến sự biến động của lạm phát.

3. Thảo luận kết quả và khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả khuyến nghị một số chính sách như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu cho thấy CPI chịu tác động lớn nhất bởi chính nó trong những năm đầu tiên sau cú sốc. Do trong ngắn hạn, CPI chịu tác động rất lớn bởi kỳ vọng lạm phát của công chúng cũng như của chính phủ, trong kinh tế tiền tệ được xem là lạm phát sinh ra lạm phát. Sự thay đổi của lạm phát cũng do chính nó trong những năm gần nhất, nhưng sự ảnh hưởng này giảm dần và được thay thế bởi sự tác động của các biến số kinh tế trong và ngoài nước.

Thứ hai, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng một cú sốc tăng trưởng kinh tế gây ảnh hưởng mạnh đến lạm phát. Điều này có thể giải thích như sau, một cú sốc tăng trưởng kinh tế đã tạo nên sự lạc quan trong các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ mở rộng quy mô sản xuất, chính phủ và người dân chi tiêu nhiều hơn, do đó sẽ có ảnh hưởng tích cực đến nền kinh tế với mức lạm phát tăng nhẹ. Bên cạnh việc tăng lên của GDP cân bằng với việc tăng cung tiền nên chỉ số giá tiêu dùng có khuynh hướng ổn định. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc điều hành chính sách kinh tế vĩ mô, nhờ đó Việt Nam có thể theo đuổi mục tiêu tăng trưởng kinh tế ổn định hàng năm mà không gây ảnh hưởng nhiều đến lạm phát.

Thứ ba, cung tiền có mối quan hệ cùng chiều với tỷ lệ lạm phát tức lượng tiền cung ứng tăng lên sẽ tác động làm gia tăng lạm phát và ngược lại.Vì vậy, NHNN cần sử dụng linh hoạt các công cụ của chính sách tiền tệ để kiểm soát khối lượng tiền lưu thông trong nền kinh tế một cách hợp lý, hiệu quả nhất.

Thứ tư, kết quả nghiên cứu cho thấy lãi suất có ảnh hưởng đáng kể đến lạm phát. Lãi suất là một trong những công cụ điều hành chính sách tiền của NHNN, cho nên NHNN cần điều chỉnh lãi suất ở mức hợp lý để đạt được mục tiêu kiểm soát lạm phát, cũng như các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Thứ năm, tỷ giá hối đoái có mối quan hệ cùng chiều với lạm phát. Vì vậy, để kiềm chế lạm phát Chính phủ cần có biện pháp ổn định tỷ giá, điều hành chính sách tiền tệ nói chung và chính sách tỷ giá nói riêng cần phải được đặt trong mối quan hệ tương quan với biến động của lạm phát.

Thứ sáu, giá dầu thô thế giới thuộc biến số kinh tế ngoài nước ảnh hưởng mạnh nhất đến lạm phát tại Việt Nam. Hiện nay, nước ta vẫn chủ yếu phải nhập khẩu xăng dầu để phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước cho nên giá xăng dầu nội địa phụ thuộc rất lớn vào thị trường xăng dầu thế giới. Xăng dầu là mặt hàng nguyên nhiên liệu chiến lược, có vai trò quan trong đối với nền kinh tế. Vì thế, sự thay đổi về giá của mặt hàng này sẽ kéo theo sự biến động nhất định trong giá cả của các mặt hàng khác, thể hiện qua sự thay đổi CPI. Qua đó, Chính phủ cần lưu tâm về nhân tố này ảnh hưởng đến lạm phát, nhất là trong bối cảnh hiện nay giá dầu thế giới biến động mạnh.Chính phủ cần nâng cao công tác quản lý, điều hành, bình ổn giá xăng dầu trong nước để góp phần đảm bảo kiểm soát lạm phát.❑

Tài liệu tham khảo

1. Alessandro Cologni and Matteo Manera, 2005, *Oil price, inflation and interest rates in a structural cointegrate var model for the G-7 countries*, Selected Works of Matteo Manera.
2. Den Haan, W. and J. Wouter, 2000, *The comovement between output and prices*, J. Monetary Economic 46: 3- 30.
3. Fisher, S., 1993,*The Role of Macroeconomic Factors in Growth*, Journal of Monetary Economics, Vol 32, 485-512.
4. Goldberg, P.K., Knetter, 1997, *Goods prices and exchange rates: what have we learned?*, Journal of Economic Literature 35, 1243e1272.
5. Gregory Mankiw, 2003, *Principles of Macroeconomics*, second edition.
6. Maher Hasan and Hesham Alogeell, 2008, *Understanding The Inflationary Process In The GCC Region: The case of Saudi Arabia and Kuwait*, IMF Working Paper.
7. Milton Friedman, 1956, *The Quantity Theory of Money: A restatement*, Studies in Quantity Theory.
8. Mubarik, 2005, *Inflation and Growth: An Estimate of the Threshold Level of Pakistan*.
9. Tobin, 1965, *Money and Economic Growth*, Econometrica 32, 671-684.
10. Umaru and Zubairu, 2012, *Effect of Inflation on the Growth and Development of the Nigerian Economy: An Empirical analysis*, International Journal of Business and Social Science.